

ANH HÙNG  
LAO ĐỘNG



ISO 9001  
ISO 22000

**TẬP ĐOÀN DABACO**  
DABACO GROUP

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010**  
**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2010**  
**ANNUAL REPORT 2010**



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM**  
Đường Lý Thái Tổ, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh  
Tel: 0241. 3826 077/ Fax: 0241. 3896 000

[www.dabaco.com.vn](http://www.dabaco.com.vn)

## TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam tiền thân là Công ty Nông sản Hà Bắc được thành lập năm 1996. Kể từ năm 1997, Công ty được đổi tên là Công ty Nông sản Bắc Ninh và từ ngày 01/01/2005 chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần.

Ngày 18/03/2008, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Mã chứng khoán: DBC

Ngày 29/04/2008, Đại hội cổ đông quyết định đổi tên Công ty cổ phần Nông sản Bắc Ninh thành Công ty cổ phần DABACO Việt Nam.

Năm 2009, Công ty phát hành thành công 2 đợt phát hành cổ phiếu nâng tổng vốn điều lệ của Công ty lên 254.466,6 triệu đồng tương đương 25.446.660 cổ phiếu.



Năm 2010, Công ty phát hành thành công 18.164.440 cổ phiếu và 2.544.666 trái phiếu chuyển đổi năm 2010. Tổng số tiền thu ròng được sử dụng để tài trợ cho các dự án BT mà Công ty được UBND tỉnh Bắc Ninh giao.

Tại Đại hội cổ đông ngày 26/03/2011, Công ty chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam.

Hiện tại số vốn điều lệ của Công ty là 436.111.000.000 đồng.

Số cổ phiếu đang niêm yết trên sàn HNX: 43.611.100 cổ phiếu. Trong đó:

Tổ chức và cá nhân trong nước: 70,21%

Tổ chức và cá nhân nước ngoài: 16,03%

Nhà nước: 13,76%



## MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

**Slogan:** “DABACO mang lại giàu sang cho người chăn nuôi – Sự phồn vinh cho đất nước”.

Luôn đặt chất lượng lên hàng đầu, lấy chất lượng để cam kết với khách hàng, lấy thị trường làm định hướng, DABACO luôn không ngừng cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ và thiết bị, đào tạo cán bộ, tạo môi trường làm việc lành mạnh, sáng tạo, nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng sự tin dùng của khách hàng; Không ngừng phát triển các hoạt động kinh doanh vững mạnh nhằm tối đa hoá giá trị của Công ty, nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên để xây dựng Công ty phát triển vững mạnh.

Để thực hiện mục tiêu đề ra, Công ty tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển đã được xây dựng và mở rộng sang các lĩnh vực mới trong giai đoạn 2010-2014 cụ thể như sau:

- *Triển khai thực hiện thành công mô hình sản xuất tiên tiến, khép kín từ: “Sản xuất con giống - Thức ăn - Chăn nuôi gia công - Giết mổ và chế biến thực phẩm song song với phát triển hệ thống bán lẻ hiện đại theo mô hình Siêu thị và Cửa hàng thực phẩm sạch DABACO.”*
- *Mở rộng hoạt động sang các lĩnh vực có khả năng mang lại sự tăng trưởng mạnh cho công ty như đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu nhà ở, khu đô thị...*

Sau 15 năm hoạt động, đến nay, Công ty đã phát triển mạnh mẽ với gần 30 Nhà máy, Công ty TNHH một thành viên, và đơn vị trực thuộc, hoạt động trong nhiều lĩnh vực như : Sản xuất, tiêu thụ thức ăn chăn nuôi; Sản xuất và tiêu thụ con giống gia súc, gia cầm, thủy cầm; Hoạt động chăn nuôi gia công; Giết mổ và chế biến thực phẩm; Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng hạ tầng, và các hoạt động khác.



## THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

**“Ban Lãnh đạo Công ty CP Tập đoàn DABACO Việt Nam luôn chủ động nắm bắt các cơ hội kinh doanh, kiểm soát rủi ro để vượt qua những thách thức, tập trung thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thực hiện mục tiêu chiến lược giai đoạn 2010 - 2014. Cán bộ nhân viên Công ty đoàn kết, sáng tạo quyết tâm hoàn thành những mục tiêu đề ra”.**

Kính thưa Quý cổ đông !

Năm 2010 là năm nền kinh tế thế giới và trong nước có nhiều biến động phức tạp, khủng hoảng kinh tế, khủng hoảng năng lượng, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh xảy ra trên diện rộng.

Mặc dù vậy, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xây dựng chiến lược phát triển đúng đắn, phù hợp và chỉ đạo, điều hành Công ty vượt qua nhiều thử thách, đạt mức tăng trưởng cao nhất về doanh thu, lợi nhuận trong 15 năm thành lập và phát triển. Quy mô hoạt động không ngừng được mở rộng và uy tín công ty được khẳng định vững chắc trên thương trường.

### **Sản xuất và tiêu thụ thức ăn chăn nuôi**

Là lĩnh vực hoạt động thể mạnh, chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu và lợi nhuận hàng năm của toàn Công ty. Sản lượng tiêu thụ thức ăn chăn nuôi của Công ty năm 2010 đạt cao nhất từ trước đến nay với 230.896 tấn, tăng 6,66% so với năm 2009. Hiện nay, Công ty có 4 nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cùng với 6 thương hiệu: DABACO, Topfeeds, Nasaco, Growfeeds, Khangti Vina và Kinh Bắc đã có mặt ở hầu hết các tỉnh, thành phố trong cả nước và được người chăn nuôi đánh giá cao bởi các đặc tính nổi trội như chất lượng tốt, mẫu mã đẹp, tỉ lệ tiêu tốn thức ăn thấp, hiệu quả kinh tế cao.

### **Sản xuất và tiêu thụ con giống gia súc, gia cầm, thủy cầm**

Trong năm 2010, dịch bệnh gia súc, gia cầm bùng phát mạnh và phát tán trên diện rộng, Ban lãnh đạo công ty đã đề ra những phương án kịp thời nhằm hạn chế mức độ ảnh hưởng và ổn định sản xuất, đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền với người tiêu dùng về các sản phẩm sạch của Công ty, cam kết là địa chỉ tin cậy cho bà con trong và ngoài tỉnh.

### **Hoạt động chăn nuôi gia công**

Với hai lĩnh vực chính là chăn nuôi gia công gà và lợn nhằm cung cấp nguồn nguyên liệu sạch cho chế biến thực phẩm và nguồn thực phẩm sạch cho thị trường. Năm 2010, hoạt động chăn nuôi gia công có nhiều thuận lợi nhờ nắm bắt tốt diễn biến giá cả thị trường, đóng góp vào sự tăng trưởng chung của công ty,

### **Giết mổ và chế biến thực phẩm**

Năm 2010 là năm đầu tiên Công ty TNHH Chế biến thực phẩm DABACO đi vào hoạt động. Trong năm, công ty cũng đưa ra nhiều mặt hàng: thịt gà sạch, sản phẩm chế biến từ thịt gà như giò gà, ruốc gà, ... bước đầu được người tiêu dùng đánh giá cao về chất lượng.

### **Hoạt động đầu tư xây dựng**

Năm 2010, Công ty đã triển khai thực hiện một số dự án tiêu biểu: Khu nhà ở Huyện Quang 2, Trung tâm thương mại DABACO (đường Lý Thái Tổ, TP Bắc Ninh), khai trương nhà hàng DABACO, thực hiện dự án Khu công nghiệp Quế Võ III, triển khai thực hiện các dự án BT do UBND tỉnh giao và các dự án đối ứng vốn tạo nguồn cho các dự án BT ...

### **Hoạt động kinh doanh khác**

Ngoài các sản phẩm chính như thức ăn chăn nuôi, con giống gia súc, gia cầm, thủy cầm, Công ty còn sản xuất, kinh doanh các mặt hàng như bao bì PP, nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi, xăng dầu...



là những sản phẩm bổ trợ, đóng góp đáng kể vào sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận của Công ty qua các năm.

Năm 2011, Công ty tiếp tục mở rộng hoạt động sang các lĩnh vực có khả năng mang lại sự tăng trưởng mạnh cho công ty như đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu nhà ở, khu đô thị. Bên cạnh, duy trì ổn định hoạt động trong mô hình sản xuất khép kín “Sản xuất con giống - Thức ăn - Chăn nuôi gia công - Giết mổ và chế biến thực phẩm song song với phát triển hệ thống bán lẻ hiện đại theo mô hình Siêu thị và Cửa hàng thực phẩm sạch DABACO”.

Công ty CP Tập đoàn DABACO Việt Nam cùng toàn thể CBCNV công ty với tinh thần dám nghĩ, dám làm, quyết tâm vượt qua những thách thức, hoàn thành xuất sắc kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011 và những nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.

Đại diện Công ty, tôi xin cảm ơn sự tín nhiệm của Quý cổ đông đã đầu tư vào DABACO.

Xin kính chúc Quý cổ đông nhiều thành công, thịnh vượng.



NGUYỄN NHU SO

Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### **Ông Nguyễn Như So**

*Chủ tịch Hội đồng quản trị*

Là người có 15 năm kinh nghiệm điều hành, gắn bó và đưa công ty từ 1 doanh nghiệp nhà nước hoạt động kém hiệu quả, đang trên bờ vực phá sản trở thành 1 trong 10 hãng sản xuất TACN lớn nhất cả nước về quy mô và hiệu quả hoạt động, với mức doanh thu đạt trên 3.000 tỷ đồng, tổng tài sản trên 2.000 tỷ đồng. Ông đã được Nhà nước trao tặng danh hiệu cao quý “Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới” năm 2008.

### **Ông Nguyễn Văn Quân**

*Phó Chủ tịch*

Ông Nguyễn Văn Quân gắn bó với công ty từ năm 2001, là thành viên hội đồng quản trị từ năm 2005 và hiện nay là Phó tổng giám đốc Công ty.

### **Ông Nguyễn Văn Tuấn**

*Phó Chủ tịch*

Ông Nguyễn Văn Tuấn là thành viên hội đồng quản trị từ năm 2005. Ông gắn bó với công ty từ năm 1999, nắm giữ các vị trí trưởng phòng kế hoạch, Phó Giám đốc, và hiện nay là Phó tổng giám đốc Công ty.

### **Ông Nguyễn Khắc Thảo**

*Thành viên*

Ông Nguyễn Khắc Thảo là thành viên hội đồng quản trị từ năm 2005. Ông gắn bó với Công ty từ năm 1996, nắm giữ vị trí Giám đốc Vật tư - Xuất nhập khẩu, và hiện nay là Phó tổng giám đốc Công ty.

### **Ông Nguyễn Văn Mạnh**

*Thành viên*

Ông Nguyễn Văn Mạnh là thành viên hội đồng quản trị từ năm 2008. Ông gắn bó với công ty từ năm 2007, nắm giữ vị trí Giám đốc Dự án, và hiện nay là Phó tổng giám đốc Công ty.

### **Bà Nguyễn Thị Thu Hương**

*Thành viên*

Bà Nguyễn Thị Thu Hương là thành viên Hội đồng quản trị từ năm 2005, Bà là người gắn bó với Công ty từ khi mới thành lập (năm 1996). Bà là người có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý tài chính, kế toán của doanh nghiệp. Hiện nay, Bà là Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng của Công ty.

### **Ông Nguyễn Thế Tường**

*Thành viên*

Ông Nguyễn Thế Tường là thành viên hội đồng quản trị từ năm 2005. Ông gắn bó với công ty từ năm 1996, nắm giữ các vị trí Phó phòng kỹ thuật, Trưởng phòng kỹ thuật. Hiện nay, ông là Giám đốc kỹ thuật chất lượng của Công ty.

### **Ông Nguyễn Hoàng Nguyên**

*Thành viên*

Ông Nguyễn Hoàng Nguyên là thành viên hội đồng quản trị từ năm 2005. Ông gắn bó với công ty từ năm 1996. Hiện nay, là Giám đốc Công ty TNHH Gà giống DABACO

### **Ông Tạ Hữu Khôi**

*Thành viên*

Ông Tạ Hữu Khôi là thành viên hội đồng quản trị từ năm 2005. Hiện nay ông đang công tác tại Ban quản lý khu công nghiệp Quế Võ III.



## CƠ CẤU NHÓM CÔNG TY

Công ty hiện có các đơn vị trực thuộc (bao gồm các Công ty TNHH một thành viên do DABACO làm chủ sở hữu và các Nhà máy, đơn vị sản xuất kinh doanh trực thuộc) và các công ty liên kết có sự góp vốn của DABACO, cụ thể như sau:

### **Đơn vị thành viên:**

#### **Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp DABACO**

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi

#### **Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi NUTRECO**

Địa chỉ: Đường Nguyễn Trãi, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh.

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi

#### **Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp TOPFEEDS**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi

#### **Nhà máy Chế biến thức ăn Kinh Bắc**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi



#### **Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển chăn nuôi gia công**

Địa chỉ: Cụm công nghiệp, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi và các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi

#### **Công ty TNHH Đầu tư phát triển chăn nuôi lợn DABACO**

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi lợn và hoạt động hỗ trợ chăn nuôi

#### **Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bắc Ninh**

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Khắc Niệm, xã Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán xuất nhập khẩu nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, siêu thị, trung tâm thương mại,...

#### **Công ty TNHH Cảng DABACO Tân Chi**

Địa chỉ: Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán vật liệu xây dựng, vận tải hàng hóa, cho thuê và kinh doanh dịch vụ cầu cảng bến bãi, đầu tư xây dựng hạ tầng.

#### **Công ty TNHH MTV Thương Mại Hiệp Quang**

Địa chỉ: Khu công nghiệp Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì từ nhựa PP, PE, composit; Sản xuất và kinh doanh nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi.

#### **Công ty TNHH Chế biến thực phẩm DABACO**

Địa chỉ: Xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Giết mổ, chế biến thịt gia súc, gia cầm. Sản xuất thực phẩm và đồ uống.



### **Công ty TNHH Bất động sản DABACO**

Địa chỉ: Đường Lý Thái Tổ, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh Bất động sản, kinh doanh dịch vụ tư vấn, mô giới, đấu giá, định giá, quảng cáo, sản giao dịch bất động sản.

### **Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng DABACO**

Địa chỉ: Đường Huyền Quang, phường Ninh Xá, TP Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình, nhà các loại, phá dỡ, lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, kinh doanh vật liệu xây dựng, tư vấn và quản lý dự án đầu tư, mua bán và cho thuê xe, máy móc, thiết bị.

### **Công ty TNHH Lợn giống DABACO**

Địa chỉ: Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi lợn và hoạt động hỗ trợ chăn nuôi. Sản xuất và kinh doanh mua bán lợn, lợn giống.

### **Công ty TNHH MTV Gà giống DABACO**

Địa chỉ: Thôn Hộ vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi và kinh doanh giống gia cầm.

### **Công ty TNHH MTV Lợn giống Lạc Vệ**

Địa chỉ: Thôn Hộ vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi và kinh doanh giống gia súc, gia cầm.

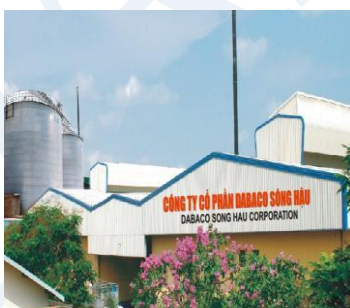
### **Công ty TNHH Lợn giống Hạng nhân DABACO**

Địa chỉ: Xã Tân chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi, kinh doanh giống gia súc, gia cầm. Hoạt động dịch vụ chăn nuôi

**Công ty Cổ phần DABACO Sông Hậu** (vốn góp là 43,2 tỷ đồng, chiếm 78,5%)

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Sông Hậu - Tân Thành - Lai Vung - Tỉnh Đồng Tháp.



### **Công ty TNHH MTV DABACO Tây Bắc**

Địa chỉ: Số 24, Tiểu khu 9, Thị Trấn Lương Sơn, huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình.

Ngành nghề kinh doanh chính: Chế biến và bảo quản rau quả, nông sản thực phẩm, sản xuất tinh bột, sản xuất thức ăn gia súc và thủy sản, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi.

### **Trung tâm Chẩn đoán thú y**

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động thú y, chuẩn đoán bệnh động vật đưa ra phác đồ điều trị, dịch vụ kiểm tra, khám chữa bệnh động vật.

### **Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Địa chỉ: 22 ấp 4, Đường số 18, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh nguyên liệu chế biến sản xuất thức ăn chăn nuôi; Kinh doanh vật tư thiết bị, hóa chất phục vụ sản xuất nông, công nghiệp; Kinh doanh các hoạt động thương mại như khách sạn, nhà hàng, ...

### **Văn phòng Miền Trung**

Địa chỉ: Số 10, ngõ 1, đường Tôn Thất Thuyết, Khối 14 phường Hà Huy Tập, TP Vinh, Tỉnh Nghệ An.

Nội dung hoạt động: Giới thiệu và quảng bá sản phẩm thức ăn chăn nuôi của Công ty.

### **Cửa hàng xăng dầu**

Địa chỉ: Xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Đại lý và kinh doanh xăng dầu.

### **Công ty liên kết:**

Công ty Cổ phần TM Bạch Long (vốn góp là 321,2 triệu đồng, chiếm 6,9%).

Công ty Cổ phần Thủy sản CSC DABACO (vốn góp là 1,05 tỷ đồng, chiếm 35%).





## KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2010

**Tổng doanh thu tiêu thụ: 3.261.455 triệu đồng (bao gồm cả doanh thu nội bộ) vượt 23,65% kế hoạch, tăng 53,4% so với năm 2009**

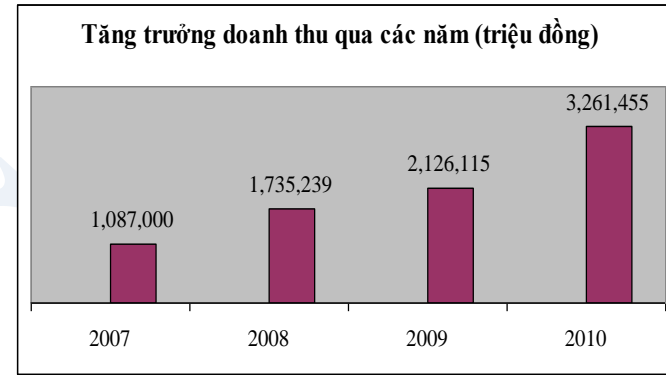
Trong đó:

+ Thức ăn chăn nuôi: 1.820.200 triệu đồng.

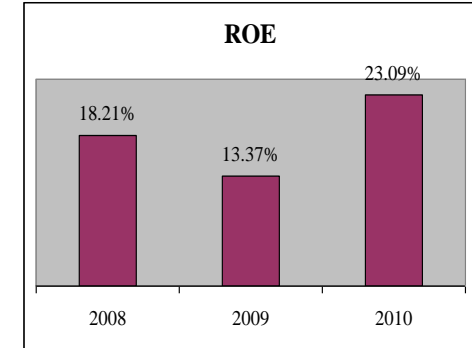
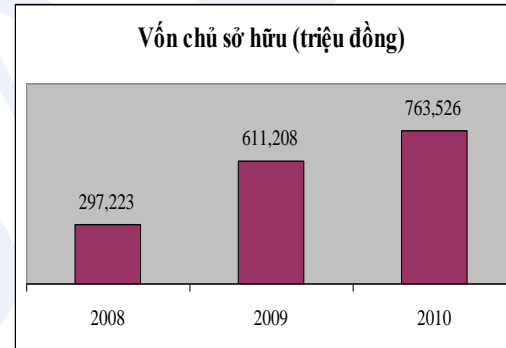
+ Các lĩnh vực khác: 1.441.255 triệu đồng.

**Lợi nhuận sau thuế: 176.300 triệu đồng, vượt 97,2% kế hoạch và tăng 115,8% so với năm 2009.**

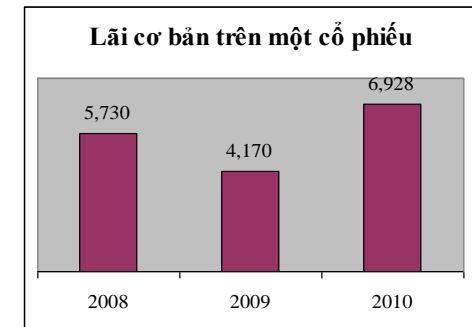
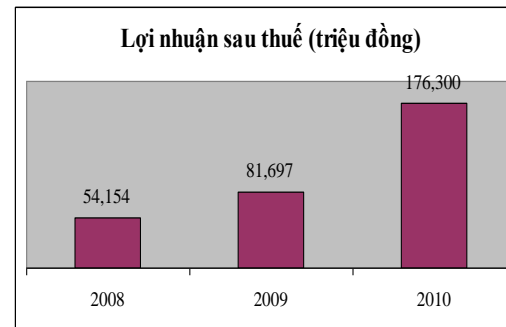
**Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2010 là 15%/cổ phần bằng tiền mặt.**



*Biểu đồ Vốn chủ sở hữu, ROE*



*Biểu đồ Lợi nhuận sau thuế, lãi cơ bản trên một cổ phiếu*



### Nội dung kết quả sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2010	Năm 2009	+/- (%)
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	2.517.777	1.714.529	46.85
2	Tổng tài sản	Triệu đồng	2.150.203	1.394.589	54,18
3	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	763.526	611.208	24,92
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	176.300	81.697	115.80
5	EPS	Đồng	6.928	4.170	66.14



## PHÂN TÍCH CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2010



### *Sản xuất và tiêu thụ thức ăn chăn nuôi*

Sản xuất thức ăn chăn nuôi luôn là lĩnh vực hoạt động thế mạnh, chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu và lợi nhuận hàng năm của toàn Công ty. Năm 2010, sản lượng tiêu thụ thức ăn chăn nuôi của Công ty đạt cao nhất từ trước đến nay với 230.896 tấn, tăng 6,66% tương đương 14.424 tấn so với năm 2009.

Năm 2010, do ảnh hưởng của tỷ giá, giá cả nguyên liệu, thiên tai lũ lụt, dịch bệnh nên số lượng đầu gia súc, gia cầm giảm dẫn đến sản lượng thức ăn chăn nuôi sản xuất tiêu thụ gặp nhiều khó khăn. Mặc dù vậy, Công ty vẫn giữ vững phương châm vừa tổ chức sản xuất hiệu quả các Nhà máy đã hoàn thành vừa đầu tư xây dựng các dây chuyền sản xuất mới, nhằm đa dạng hoá sản phẩm và nâng cao sản lượng cung cấp cho thị trường.

Hiện nay, Công ty có 4 Nhà máy chế biến thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy cầm với tổng công suất thiết kế đạt trên 500.000 tấn/năm, 1 Nhà máy chế biến thức ăn cho cá công suất trên 20.000 tấn/năm và đang tiến hành chạy thử nhà máy TACN Nutreco Hoàn Sơn với công suất 20 tấn/giờ được đầu tư các trang thiết bị, dây chuyền sản xuất hiện đại nhất hiện nay.

Sản phẩm thức ăn chăn nuôi của Công ty với 6 thương hiệu gồm DABACO, Topfeeds, Nasaco, Growfeeds, Khang tyVina và Kinh Bắc đã có mặt ở hầu hết các tỉnh, thành phố trong cả nước và được người chăn nuôi đánh giá cao bởi các đặc tính nổi trội như chất lượng tốt, mẫu mã đẹp, tỉ lệ tiêu tốn thức ăn thấp, hiệu quả kinh tế cao.

### *Sản xuất và tiêu thụ con giống gia súc, gia cầm, thủy cầm*

Sản xuất con giống gia súc, gia cầm là lĩnh vực chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những rủi ro về dịch bệnh và thị trường tiêu thụ. Nhìn chung, năm 2010 hoạt động sản xuất, kinh doanh giống gà, lợn hiệu quả chưa cao, doanh thu và lợi nhuận chưa đạt chỉ tiêu kế hoạch, một số đơn vị chăn nuôi lợn mới đưa vào hoạt động nên sản lượng sản xuất và tiêu thụ thấp.

Nguyên nhân chủ yếu khiến một số đơn vị chăn nuôi hoạt động chưa hiệu quả gồm: Ảnh hưởng của dịch bệnh (năm 2010 là thời điểm bùng phát dịch lợn tai xanh), biến động giá cả thị trường, khiến giá con giống có thời điểm xuống thấp dưới giá vốn.

Bước sang năm 2011, lĩnh vực sản xuất con giống cần chú trọng công tác quản lý, điều hành, quản lý chi phí, nắm bắt định hướng thị trường.

### **Hoạt động chăn nuôi gia công**

Đây là một khâu quan trọng trong chu trình sản xuất khép kín mà Công ty lựa chọn: “Con giống - Thức ăn - Chăn nuôi gia công - Giết mổ và chế biến thực phẩm”, bắt đầu triển khai từ năm 2007.

Năm 2010, hoạt động chăn nuôi gia công có nhiều thuận lợi hơn hoạt động sản xuất con giống nhờ nắm bắt tốt diễn biến giá cả thị trường. Cũng do ảnh hưởng của dịch bệnh khiến đàn gia súc, gia cầm trong dân giảm mạnh. Riêng công ty vẫn phát triển tốt các đàn chăn nuôi gia công nên sau đợt dịch có sản phẩm cung cấp cho thị trường, đặc biệt là chăn nuôi gia công gà.

Sản lượng gà thịt năm 2010 đạt 4.765 tấn, trứng đạt 7.765.651 quả, đạt doanh thu 135.909 triệu đồng. Sản lượng lợn thịt tiêu thụ là 3.810 tấn đạt doanh thu 129.173 triệu đồng.

Năm 2011, Công ty cần tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo sản xuất, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả chăn nuôi, phân đấu hoàn thành tốt kế hoạch năm 2011.



### **Giết mổ và chế biến thực phẩm**



Đây là năm đầu tiên Công ty TNHH Chế biến thực phẩm DABACO đi vào hoạt động. Công ty đã đưa ra thị trường nhiều loại sản phẩm: Thịt gà sạch, giò chả gà, ruốc gà,... bước đầu tiếp cận thị trường đưa sản phẩm thịt gà sạch DABACO tới tay người tiêu dùng.



Quý I máy móc thiết bị còn đang trong giai đoạn vận hành chạy thử, lực lượng lao động mới, thiếu kinh nghiệm, thị trường và thương hiệu chưa có, bên cạnh đó do thói quen và thị hiếu người tiêu dùng chưa quen với sản phẩm thịt gà giết mổ bằng dây chuyền công nghiệp nên việc tiêu thụ còn gặp nhiều khó khăn.



Mặc dù vậy, Công ty vẫn giữ vững phương châm sản xuất kinh doanh, đầu tư trang thiết bị hiện đại, đào tạo nâng cao trình độ trong lĩnh vực chế biến thực phẩm, đảm bảo cung cấp thực phẩm sạch cho xã hội.



### **Hoạt động kinh doanh khác**

- *Hoạt động kinh doanh nguyên liệu: do Công ty TNHH DVTM Bắc Ninh và chi nhánh TP. Hồ Chí Minh thực hiện.*

Năm 2010, doanh thu từ hoạt động kinh doanh nguyên liệu đạt 458.288 triệu đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 2.102 triệu đồng.

- *Công ty TNHH Thương mại Hiệp Quang:*

Sau hơn 1 năm sáp nhập vào công ty và chuyển mô hình hoạt động sang Công ty TNHH một thành viên, năm 2010 Công ty Hiệp Quang đã từng bước hoạt động ổn định. Kết quả doanh thu đạt 67.602 triệu đồng, lợi nhuận đạt 436 triệu đồng.

- *Cửa hàng xăng dầu Lạc Vệ:* Doanh thu bán xăng dầu năm 2010 là 10.750 triệu đồng, tăng 54,8% so với năm 2009.



*Khu khách sạn – Khu CN Quế Võ III*

### **Tình hình triển khai các dự án đầu tư xây dựng**

Năm 2010, thành lập thêm Công ty TNHH Bất động sản DABACO và Công ty TNHH Đầu tư XD và PT hạ tầng DABACO. Năm 2010, Công ty đã triển khai thực hiện tốt một số dự án tiêu biểu sau: Khu nhà ở Huyện Quang 2, khai trương Trung tâm thương mại DABACO (đường Lý Thái Tổ, TP Bắc Ninh), khai trương nhà hàng DABACO, thực hiện dự án Khu công nghiệp Quế Võ III, triển khai thực hiện các dự án BT do UBND tỉnh giao và các dự án đối ứng vốn tạo nguồn cho các dự án BT, và nhiều dự án khác. Năm 2011, công ty tiếp tục đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu nhà ở, khu đô thị, thực hiện các dự án đã được phê duyệt.



*Khu điều hành trung tâm – Khu CN Quế Võ III*



## KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2011

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2011	Tăng/giảm so với thực hiện năm 2010
<b>I</b>	<b>Sản lượng</b>			
1	Thức ăn chăn nuôi	Tấn	270.000	16,9%
2	Gà giống	Con	4.000.000	38,9%
3	Lợn con cai sữa	Con	91.095	92,9%
4	Lợn thịt (gia công)	Kg	4.275.218	12,2%
5	Gà thịt (gia công)	Kg	7.601.600	59,5%
<b>II</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>Triệu đồng</b>	<b>3.754.562</b>	<b>15,1%</b>
1	Thức ăn chăn nuôi	Triệu đồng	2.325.618	27,8%
2	Các lĩnh vực khác	Triệu đồng	1.428.944	-0,9%
<b>III</b>	<b>Lợi nhuận</b>			
1	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	220.000	24,8%
<b>IV</b>	<b>Cổ tức</b>	<b>%</b>	<b>20</b>	<b>33,3%</b>

### *Lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ thức ăn chăn nuôi*

Để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011, tiêu thụ 270.000 tấn thức ăn chăn nuôi, Công ty làm tốt công tác kế hoạch cung ứng nguyên liệu, tổ chức tốt công tác thu mua, cung ứng nguyên liệu thức ăn đảm bảo đủ nguyên liệu cho các nhà máy hoạt động ổn định có lượng dự trữ phù hợp theo công suất thiết kế.

Tích cực đổi mới quản lý sản xuất, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật để nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, chú trọng nâng cao chất lượng thức ăn cho lợn con, thức ăn cho gia cầm đẻ trứng, cải tiến mẫu mã sản phẩm đáp ứng mọi nhu cầu của người chăn nuôi.

Tập trung chỉ đạo giám sát chặt chẽ quy trình sản xuất, quy trình kỹ thuật ở các nhà máy, không để sản phẩm kém chất lượng đưa ra thị trường ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.



▲ Vận hành công nghệ sản xuất

Tiếp tục đẩy mạnh công tác khai thác mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm thức ăn chăn nuôi ra các vùng miền bằng các kênh phân phối đa dạng của các thương hiệu thức ăn.



Phòng kiểm tra chất lượng đạt chuẩn  
Quality control department (laboratory)

## Lĩnh vực sản xuất, chăn nuôi gia súc, gia cầm



Thực hiện nghiêm túc quy trình kỹ thuật chăn nuôi, làm tốt công tác chọn giống, chăm sóc, nuôi dưỡng để nâng cao các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật trong các đơn vị chăn nuôi gia súc, gia cầm.



Thực hiện nghiêm ngặt công tác vệ sinh phòng dịch làm tốt công tác quản lý, kỹ thuật để đảm bảo đàn giống gia súc, gia cầm sinh trưởng, phát triển tốt, giảm tối đa tỷ lệ chết, đảm bảo tuyệt đối an toàn cho đàn gia súc, gia cầm, trong mọi điều kiện không để xảy ra dịch bệnh.

Tăng cường công tác lai tạo giống gia súc, gia cầm, tạo nên thương hiệu giống gia súc, gia cầm của riêng DABACO. Làm tốt công tác tuyên truyền tiếp thị để cung ứng con giống gia súc, gia cầm ra thị trường. Đồng thời, tăng cường công tác chăn nuôi gia công có hiệu quả đảm bảo thu mua gia súc, gia cầm sạch bệnh, phục vụ nhà máy giết mổ chế biến thực phẩm của Công ty. Từ đó cung ứng ra thị trường sản phẩm thịt chế biến mang nhãn hiệu DABACO đảm bảo an toàn thực phẩm.



## Lĩnh vực đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản

Tiếp tục triển khai thực hiện các dự án đã được phê duyệt bao gồm: Nhà văn phòng và sân giao dịch bất động sản, Dự án sản xuất rau an toàn tại xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du; Nhà máy xử lý trứng tại Thị trấn Chờ, huyện Yên Phong; Nhà máy sản xuất bột cá tại Hải Phòng...

Triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Quế Võ III; Dự án Khu đô thị và dịch vụ KCN Quế Võ III.

Triển khai thực hiện các dự án theo hình thức BT đã được UBND tỉnh giao và các dự án đối ứng vốn gồm: Khu đô thị - dịch vụ làng nghề tại xã Phù Khê, thị xã Từ Sơn (60ha); Khu đô thị dịch vụ tại xã Hoà Long và Vạn An - TP. Bắc Ninh (40ha); Khu đô thị tại các xã Phong Khê, Khúc Xuyên và phường Võ Cường, TP. Bắc Ninh (50ha); Khu đô thị mới Đình Bảng (55ha).

Giao Công ty TNHH Bất động sản DABACO triển khai thực hiện các dự án: Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp làng nghề và khu nhà ở kết hợp dịch vụ thương mại tại xã Hương Mạc, thị xã Từ Sơn (34ha); Bãi đỗ xe ngoài trời kết hợp cây xanh Khu đô thị Đền Đô (1ha); Khu đô thị tại huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh (23ha).

Nghiên cứu, di chuyển Công ty TNHH MTV Gà giống DABACO sang địa điểm mới tại xã Hán Quảng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.



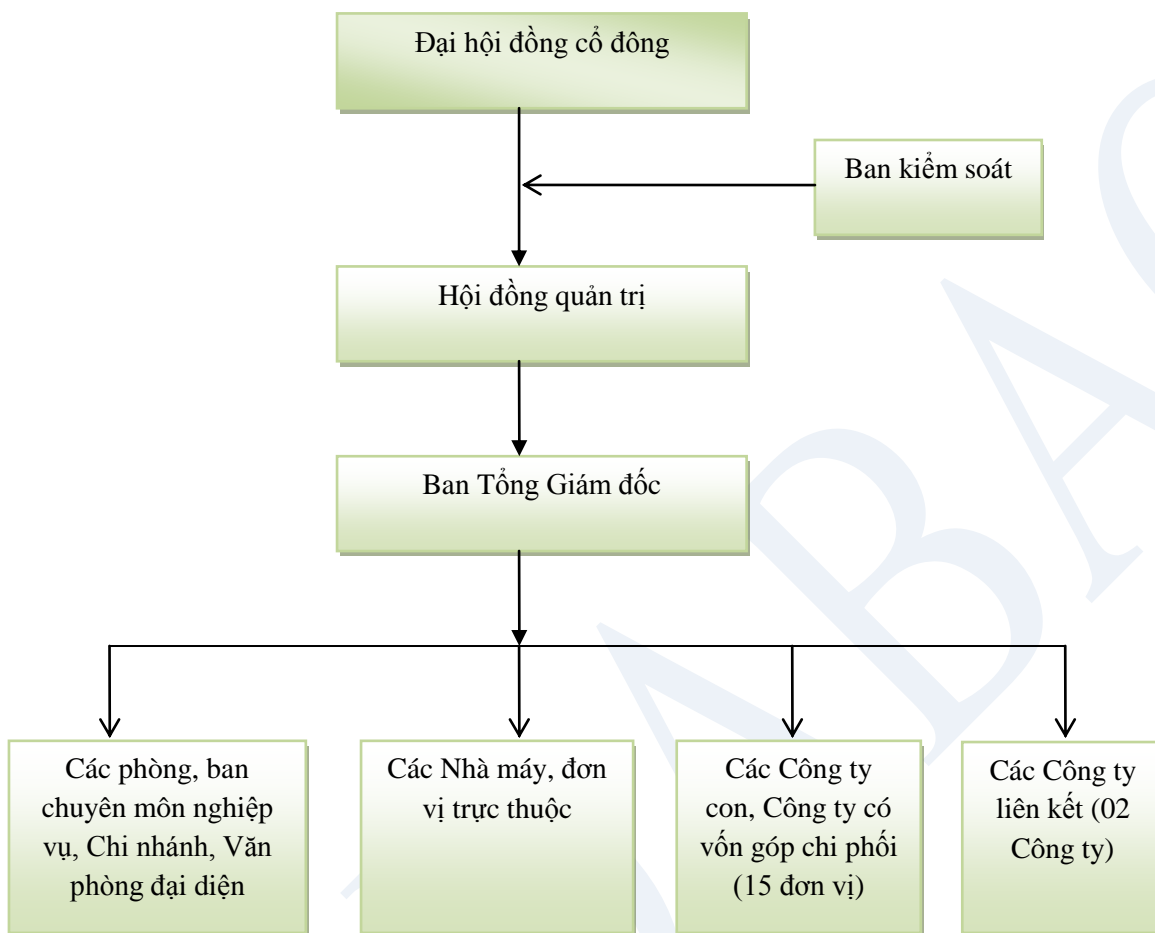
Phối cảnh Khu đô thị Dabaco Vạn An



Phối cảnh Khu đô thị Dabaco Đình Bảng

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

### Cơ cấu tổ chức của Công ty



Số lượng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: 12 người

○ **Hội đồng quản trị của Công ty** gồm 9 thành viên, trong đó có 6 thành viên trong Ban điều hành, và ba thành viên độc lập. Hội đồng quản trị họp thảo luận các vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh, chính sách chi trả cổ tức, và các vấn đề doanh nghiệp quan trọng khác.

○ **Ban Tổng Giám đốc của Công ty** có 6 thành viên gồm: Tổng Giám đốc và 05 Phó Tổng Giám đốc được phân công phụ trách các lĩnh vực hoạt động của Công ty: Kỹ thuật, Vật tư – XNK, Thị trường, Công nghệ và Dự án.

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, định kỳ 1 tháng 1 lần trực tiếp chỉ đạo cuộc họp giao ban với Ban Tổng Giám đốc, các Trưởng phòng chức năng Công ty, Giám đốc các Công ty TNHH một thành viên và đơn vị trực thuộc để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời có ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp. Sau mỗi cuộc họp, các thông báo kết luận giao ban được gửi trực tiếp đến các phòng ban, các đơn vị trực thuộc để triển khai thực hiện.

○ **Ban kiểm soát** gồm ba thành viên: Ông Nguyễn Văn Linh (Trưởng Ban kiểm soát), Ông Ngô Huy Tuệ (Thành viên Ban kiểm soát), Bà Nguyễn Thị Thuý (Thành viên Ban kiểm soát). Ban kiểm soát có chức năng giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc thực hiện trong việc quản lý, điều hành công ty và các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.



## **Công tác tài chính, kế toán**

Ban lãnh đạo DABACO luôn quan tâm chú trọng nâng cao hiệu quả quản trị tài chính, duy trì tình hình tài chính lành mạnh, minh bạch, bảo toàn và phát triển vốn.

### **○ Công tác hạch toán và báo cáo tài chính**

Các số liệu phát sinh luôn được cập nhật đầy đủ, chính xác và kịp thời đáp ứng yêu cầu quản lý. Các báo cáo tài chính được lập phù hợp với các quy định về kế toán doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, được kiểm toán kịp thời và đầy đủ.

### **○ Công tác tín dụng ngân hàng**

Ban lãnh đạo DABACO luôn chỉ đạo sát sao công tác tạo nguồn vốn, nguồn tín dụng, tăng cường các mối quan hệ hợp tác với các ngân hàng, tổ chức tín dụng.. Việc quản lý tài chính, cơ cấu nguồn vốn khoa học, đảm bảo hiệu quả cao nhất, tạo được lòng tin của các ngân hàng.

### **○ Công tác quản lý chi phí**

Quản lý chi phí luôn được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và đã được triển khai đến từng bộ phận, từng đơn vị sản phẩm. Định mức chi phí được xây dựng chi tiết và ngày một hoàn thiện mang tính chất hệ thống đồng thời là căn cứ kiểm soát giá thành sản phẩm.

## **Công tác nhân sự:**

DABACO có đội ngũ cán bộ chủ chốt và kỹ thuật có năng lực, giàu kinh nghiệm, tâm huyết, được đào tạo tại các cơ sở có uy tín trong và ngoài nước.

### **○ Về môi trường làm việc và đãi ngộ với người lao động**

Luôn tạo điều kiện cho người lao động làm việc, giao công việc phù hợp với khả năng. Đồng thời xây dựng các mối quan hệ nhân sự gắn bó, tinh thần đồng đội, tạo tinh thần đoàn kết là môi trường quan trọng nhất trong công ty.

### **○ Chính sách đào tạo và tuyển dụng nhân sự**

Tạo điều kiện cho người lao động có nhu cầu học tập nâng cao trình độ. Chăm lo, duy trì các lao động kỹ thuật cao thông qua việc đánh giá đúng năng lực của người lao động, từ đó có kế hoạch đào tạo và đào tạo lại nhằm phát huy tài năng của người lao động.

Bên cạnh đó, Công ty có quan tâm đến thân nhân của người lao động trong các dịp lễ tết, thăm hỏi cha mẹ, vợ chồng người lao động đau ốm, thưởng con người lao động học tập giỏi,....

## **Quản trị rủi ro**

### **○ Rủi ro thanh toán**

Đối với việc bán hàng, đại lý phải thanh toán cho DABACO bằng tiền mặt trước khi nhận hàng, không áp dụng hình thức bán chịu. Đối với việc nhập khẩu nguyên liệu, thanh toán bằng hình thức L/C, DABACO hợp tác chặt chẽ với ngân hàng kiểm tra kỹ độ tin cậy của ngân hàng mở L/C.

### **○ Rủi ro tỷ giá**

Khoảng 60% nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi nhập khẩu từ nước ngoài và được thanh toán bằng Đô la Mỹ, nên để hạn chế rủi ro tỷ giá Công ty tính toán hợp lý và có kế hoạch cụ thể về việc nhập khẩu các mặt hàng nguyên liệu, đồng thời hợp tác với các ngân hàng cam kết đáp ứng nhu cầu mua hoặc vay ngoại tệ một cách linh hoạt.

### **○ Rủi ro về công nghệ lạc hậu**

Ý thức được việc này, DABACO rất chú trọng công tác nghiên cứu, cải tiến, đầu tư mua sắm trang thiết bị công nghệ, đảm bảo dây chuyền sản xuất tiên tiến, hiện đại nhất.

### **○ Rủi ro về nguồn nhân lực**

Công ty tạo ra được môi trường văn hóa doanh nghiệp phù hợp, khuyến khích, động viên CBCNV và tạo ra sự tin tưởng vào sự phát triển của Công ty.

## **Xây dựng văn hóa doanh nghiệp**

Trong quá trình xây dựng và phát triển, văn hóa doanh nghiệp luôn được DABACO chú trọng hoàn thiện để phát huy cao nhất các nguồn lực phục vụ cho sản xuất kinh doanh, từ đó nâng cao hiệu quả kinh doanh, đảm bảo sự phát triển bền vững. Văn hóa doanh nghiệp do DABACO xây dựng dựa trên những giá trị cốt lõi mà bất kỳ nhân viên nào cũng được giáo dục và tuyên truyền. Đặc trưng cơ bản của hệ thống văn hóa doanh nghiệp DABACO, đó là: Khách hàng là trung tâm của mọi công việc, luôn cung cấp cho khách hàng sản phẩm và dịch vụ tốt nhất, khuyến khích sự sáng tạo, thích ứng với những thay đổi nhanh chóng của môi trường kinh doanh, luôn luôn học hỏi, cải tiến, đề cao tính tập thể trong quản lý và ra quyết định, quan hệ giữ các thành viên trong doanh nghiệp bình đẳng, đoàn kết, hợp tác trong công việc, tính kỷ luật cao, tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, góp phần xây dựng xã hội bền vững.

## QUAN HỆ CỔ ĐÔNG



Với tư cách là đại diện cho chủ sở hữu, tôn chỉ tối cao trong hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là đảm bảo quyền lợi hợp pháp và chính đáng của cổ đông. Mọi hoạt động của HĐQT, BKS đều tuân theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Hoạt động công bố thông tin kịp thời, chính xác và đầy đủ theo quy định của pháp luật. Mọi thắc mắc của cổ đông và các nhà đầu tư đều được giải đáp thông qua bộ phận quản lý cổ đông của Công ty.

Việc công bố thông tin tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, quy định của UBCK Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Trung tâm lưu ký chứng khoán.

DABACO luôn thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác, đúng hạn, đồng thời cũng đăng tải báo cáo tài chính và các thông tin quan trọng trên trang website của công ty: [www.dabaco.com.vn](http://www.dabaco.com.vn).

### Danh sách cổ đông lớn tại thời điểm chốt danh sách ngày 28/02/2011

TT	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ năm giữ
1	Cổ đông Nhà nước	CT đầu tư và KD vốn Nhà nước (SCIC), 15A Trần Khánh Dư, Hà Nội	6.000.000	13,76%
2	Nguyễn Như So	P. Suối Hoa, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	3.355.500	7,69%
3	Red River Holding	Tú Xương, P7, Q3, TP.HCM	5.038.499	11,55%
	<b>Tổng cộng</b>		<b>14.393.999</b>	<b>33,01%</b>

### Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 28/02/2011

TT	Cổ đông	Số cổ phần năm giữ	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>36.621.781</b>	<b>83,97</b>
1	Cổ đông Nhà nước	6.000.000	13,76
2	Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban kiểm soát	3.987.000	9,14
3	Cổ đông là người lao động trong Công ty	4.614.488	10,58
4	Cổ phiếu quỹ	0	0
5	Cổ đông khác	22.020.293	50,49
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>6.989.319</b>	<b>16,03</b>
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>43.611.100</b>	<b>100</b>

### BÁO CÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Lý do tăng, giảm (mua, bán, ...)
1	Nguyễn Như So	Chủ tịch HĐQT	3.510	0	Bán

### BÁO CÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

TT	Người thực hiện giao dịch	Chức vụ tại Công ty	Loại GD	Thời gian thực hiện	SL CP GD thành công
1	Nguyễn Như So	Chủ tịch HĐQT	Mua	Từ 02/02 - 11/02/2010	100.000
2	Nguyễn Như So	Chủ tịch HĐQT	Mua	Từ 24/06 - 29/06/2010	100.000

## NHỮNG THÀNH TÍCH CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Thực hiện tốt hệ thống quản lý: ISO 9001, ISO 22000, đồng thời Công ty đã xây dựng được một Phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc gia VILAS 242 với hệ thống trang thiết bị hiện đại, kiểm soát tốt nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra, đảm bảo sản xuất sản phẩm sạch, chất lượng cao cho thị trường.

Với những thành tích cao đạt được trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như những đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước trong những năm qua, Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam đã vinh dự được Đảng, Nhà nước, Chính phủ và các ngành, các cấp trao tặng nhiều danh hiệu, phần thưởng cao quý: Danh hiệu “Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới” được Chủ tịch nước trao tặng cho Công ty (năm 2004) và cho cá nhân Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc Nguyễn Như So (Năm 2008), Huân chương lao động hạng Ba được Chủ tịch nước trao tặng (năm 2000), Huân chương lao động hạng Nhì được Chủ tịch nước trao tặng năm 2007, Cờ thi đua của Chính phủ (năm 2001, 2002, 2003), Giải thưởng Chất lượng Việt Nam trong 7 năm liên tục (từ năm 2000 đến 2006), Giải thưởng Sao vàng đất Việt (năm 2004), Cúp vàng thương hiệu Việt hội nhập WTO do Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam trao tặng; Giải thưởng Doanh nghiệp hội nhập và phát triển năm 2007, 2009; Giải thưởng Thương hiệu chứng khoán uy tín và Công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam năm 2008, 2009; Giải thưởng Doanh nghiệp, doanh nhân tiêu biểu 1000 năm; Giải thưởng Doanh nghiệp hội nhập và phát triển năm 2010; Thương hiệu Việt 2010 cho sản phẩm hỗn hợp Topfeeds; Bảng vàng ghi danh Doanh nhân Việt 1000 năm Thăng Long và nhiều giải thưởng cao quý khác.

Đây là sự công nhận xứng đáng đối với những cố gắng, nỗ lực to lớn của toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty trong suốt những năm vừa qua.





## QUAN HỆ CỘNG ĐỒNG

### ○ Quan hệ xã hội:

Bằng chữ tâm lớn trên tinh thần tương thân, tương ái, trong nhiều năm qua, Công ty và CBCNV đã tích cực tham gia các hoạt động xã hội, các hoạt động từ thiện và bảo vệ môi trường của địa phương dưới nhiều hình thức tài trợ, quyên góp tiền, viếng thăm, tặng hiện vật như Ủng hộ quỹ nối vòng tay lớn, ủng hộ quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Bắc Ninh, ủng hộ hội nông dân, Công ty đã ủng hộ Quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ vì người nghèo của tỉnh Bắc Ninh.

Trong lĩnh vực giáo dục, công ty đặc biệt quan tâm và hỗ trợ các quỹ khuyến học của tỉnh. Hằng năm, công ty đều tặng quà cho các con của cán bộ công nhân viên đạt thành tích học tập giỏi để khuyến khích các em.

### ○ Quan hệ khách hàng

Công ty CP Tập đoàn DABACO Việt Nam luôn là người bạn tin cậy của các bạn hàng. Quyền lợi của khách hàng là quyền lợi của công ty. Luôn cung cấp cho khách hàng những sản phẩm tốt nhất, cùng chất lượng đạt tiêu chuẩn cao nhất.

### ○ Quan hệ đối tác kinh doanh

Công ty luôn duy trì và phát triển mối quan hệ hợp tác tốt đẹp với đối tác làm ăn trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng lợi ích mỗi bên.



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kèm theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

## BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư Vấn UHY

- Địa chỉ: Tầng 6, 136 Hoàng Quốc Việt, Hà Nội

- Kiểm toán viên chính: Nguyễn Tự Trung – Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1226/KTV

- Đã thực hiện kiểm toán cho Công ty từ năm 2010

- Ý kiến kiểm toán độc lập: Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần DABACO Việt Nam cho năm tài chính 2010:

+ Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

+ Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

### Kiểm toán nội bộ.

- Sổ sách kế toán được mở và ghi chép đầy đủ, rõ ràng các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- Việc trích lập các quỹ tiến hành đúng tinh thần Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

- Việc công bố thông tin tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, quy định của UBCK Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Trung tâm lưu ký chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN DABACO VIỆT NAM  
Đường Lý Thái Tổ, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2010 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

1. Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch
2. Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó chủ tịch
3. Ông Nguyễn Văn Quân	Phó chủ tịch
4. Ông Nguyễn Khắc Thảo	Thành viên
5. Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên
6. Ông Nguyễn Thế Tường	Thành viên
7. Ông Nguyễn Hoàng Nguyễn	Thành viên
8. Ông Tạ Hữu Khôi	Thành viên
9. Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Nguyễn Như So	Tổng Giám đốc
2. Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Nguyễn Văn Quân	Phó Tổng Giám đốc
4. Ông Nguyễn Văn Mạnh	Phó Tổng Giám đốc
5. Ông Nguyễn Khắc Thảo	Phó Tổng Giám đốc
6. Ông Nguyễn Trọng Kích	Phó Tổng Giám đốc
7. Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Giám đốc tài chính

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Như So  
Tổng Giám đốc  
Bắc Ninh, ngày 17 tháng 03 năm 2011

Số: 62/2011/UHY - BCKT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập ngày 17 tháng 03 năm 2011, trình bày từ trang 05 đến trang 35 kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc ở trang 2 và 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

**Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Phạm Gia Đạt  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0798/KTV  
Thay mặt và đại diện cho  
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY  
Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2011

Nguyễn Tự Trung  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1226/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.303.858.717.527</b>	<b>845.825.718.057</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>213.147.169.656</b>	<b>387.042.028.243</b>
Tiền	111		213.147.169.656	387.042.028.243
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>398.107.832.234</b>	<b>87.577.435.717</b>
Phải thu khách hàng	131		233.600.749.422	31.264.493.795
Trả trước cho người bán	132		138.467.866.081	55.351.601.086
Các khoản phải thu khác	135	5	26.039.216.731	961.340.836
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>667.400.608.977</b>	<b>344.506.524.155</b>
Hàng tồn kho	141	6	667.400.608.977	344.506.524.155
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>25.203.106.660</b>	<b>26.699.729.942</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.476.697.915	1.283.038.754
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.251.465.174	687.368.434
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		146.763.648	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	7	20.328.179.923	24.729.322.754
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>846.344.937.798</b>	<b>548.763.306.935</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>824.472.484.135</b>	<b>523.610.232.926</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	8	579.714.290.447	368.926.003.361
- Nguyên giá	222		742.197.501.540	502.167.274.921
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(162.483.211.093)	(133.241.271.560)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		1.636.556.598	18.115.792.064
- Nguyên giá	228		1.732.367.401	18.176.955.519
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(95.810.803)	(61.163.455)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	243.121.637.090	136.568.437.501
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.416.627.000</b>	<b>6.907.827.000</b>
Đầu tư dài hạn khác	258	10	2.416.627.000	6.907.827.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.819.696.191</b>	<b>6.427.324.262</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	8.819.696.191	6.427.324.262
<b>Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>	<b>12</b>	<b>10.636.130.472</b>	<b>11.817.922.747</b>
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.150.203.655.325</b>	<b>1.394.589.024.992</b>

Các Thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.374.876.801.212</b>	<b>777.110.731.156</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>940.977.224.341</b>	<b>544.510.159.245</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	586.780.980.553	377.665.605.059
Phải trả người bán	312		192.757.512.008	76.625.314.848
Người mua trả tiền trước	313		13.528.808.353	56.101.336.140
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	73.593.207.556	11.951.159.036
Phải trả người lao động	315		13.308.480.240	10.810.260.458
Chi phí phải trả	316	15	30.468.733.018	269.770.940
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	21.734.984.258	5.556.996.101
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		8.804.518.355	5.529.716.663
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>433.899.576.871</b>	<b>232.600.571.911</b>
Phải trả dài hạn khác	333		1.732.485.000	31.315.678.880
Vay và nợ dài hạn	334	17	432.167.091.871	201.284.893.031
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>763.526.854.113</b>	<b>605.678.293.836</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>18</b>	<b>763.526.854.113</b>	<b>605.678.293.836</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		254.466.600.000	254.466.600.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		228.290.181.700	228.290.181.700
Cổ phiếu quỹ	414		-	(35.100.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		13.227.476.717	(1.649.494.975)
Quỹ đầu tư phát triển	417		78.244.285.736	54.086.034.941
Quỹ dự phòng tài chính	418		12.997.624.401	5.786.002.427
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		176.300.685.559	56.903.069.743
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	7.831.000.000
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>	<b>19</b>	<b>11.800.000.000</b>	<b>11.800.000.000</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>2.150.203.655.325</b>	<b>1.394.589.024.992</b>

Các Thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	31/12/2010	01/01/2010
Ngoại tệ các loại		-	-
USD		68.581,09	4.130,00
EUR		0,11	

Người lập

Nguyễn Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hương

Bắc Ninh, ngày 17 tháng 03 năm 2011

Tổng Giám đốc



Nguyễn Như So

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2010		Năm 2009	
		VND		VND	
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01 21</b>	<b>2.570.934.180.986</b>	<b>1.781.678.693.218</b>		
Các khoản giảm trừ doanh thu	03 22	53.156.854.782	67.148.820.964		
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10 23</b>	<b>2.517.777.326.204</b>	<b>1.714.529.872.254</b>		
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11 24</b>	<b>2.171.832.483.774</b>	<b>1.521.339.628.783</b>		
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>	<b>345.944.842.430</b>	<b>193.190.243.471</b>		
Doanh thu hoạt động tài chính	21 25	20.225.434.134	5.939.341.333		
Chi phí tài chính	22 26	75.987.835.981	38.622.908.487		
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	70.612.379.390	38.622.908.487		
Chi phí bán hàng	24 27	45.221.364.579	34.027.029.536		
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25 28	54.953.166.266	36.502.295.977		
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>	<b>190.007.909.738</b>	<b>89.977.350.804</b>		
Thu nhập khác	31 29	31.053.497.189	8.270.728.669		
Chi phí khác	32 30	18.682.911.926	6.693.773.963		
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>	<b>12.370.585.263</b>	<b>1.576.954.706</b>		
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>202.378.495.001</b>	<b>91.554.305.510</b>		
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51 31	26.077.809.442	9.886.561.794		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-		
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>	<b>176.300.685.559</b>	<b>81.667.743.716</b>		
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	-	-		
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	62	176.300.685.559	81.667.743.716		
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70 32</b>	<b>6.928</b>	<b>4.171</b>		

Người lập

Nguyễn Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hương

Bắc Ninh, ngày 17 tháng 03 năm 2011

Tổng Giám đốc



Nguyễn Như So



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	1		202.378.495.001	91.554.305.510
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ	2		38.704.010.070	37.658.649.159
Các khoản dự phòng	3		-	-
Lỗi các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực	4	(206.459.467)	-	-
Lỗi hoạt động đầu tư	5	(7.172.085.066)	(5.607.569.371)	-
Chi phí lãi vay	6	70.612.379.390	38.622.908.487	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>8</b>		<b>304.316.339.928</b>	<b>162.228.293.785</b>
Tăng giảm các khoản phải thu	9	(307.840.114.074)	85.611.431.601	-
Tăng hàng tồn kho	10	(322.894.084.822)	(130.495.721.649)	-
Tăng giảm các khoản phải trả	11	139.983.178.947	62.284.227.928	-
Tăng giảm chi phí trả trước	12	(3.586.031.090)	3.203.447.069	-
Tiền lãi vay đã trả	13	(68.214.439.919)	(39.159.658.993)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(21.926.594.645)	(7.813.374.403)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.695.010.997	40.374.432.305	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(2.000.000.000)	(41.144.180.157)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(280.466.734.678)</b>	<b>135.088.897.486</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(349.711.851.711)	(278.086.182.234)	-
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	849.090.909	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	4.578.000.000	5.021.873.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	17.609.092.886	5.315.793.141	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(326.675.667.916)</b>	<b>(267.748.516.093)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	209.227.107.000	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	35.100.000	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.048.750.945.534	1.429.539.601.357	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.595.571.410.505)	(1.231.292.411.267)	-
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(19.921.575.000)	(20.953.759.500)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>433.293.060.029</b>	<b>386.520.537.590</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(173.849.342.565)</b>	<b>253.860.918.983</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>387.042.028.243</b>	<b>133.181.029.362</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(45.516.022)	79.898
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>213.147.169.656</b>	<b>387.042.028.243</b>

Người lập

*Nguyễn Thị Thanh Huyền*

Kế toán trưởng

*Nguyễn Thị Thu Hương*



Nguyễn Thị Thanh Huyền

Nguyễn Thị Thu Hương

Nguyễn Như So

Các Thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính

9

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Dầu tơ tằm Hà Bắc được thành lập theo Quyết định số 1101/CT ngày 23/12/1992 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Bắc. Theo Quyết định số 27/UB ngày 29/03/1996 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Bắc, Công ty được đổi tên thành Công ty Nông Sản Hà Bắc. Theo Quyết định số 111/CT ngày 04/03/1997 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh đổi tên Công ty thành Công ty Nông Sản Bắc Ninh. Công ty Nông sản Bắc Ninh được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Nông sản Bắc Ninh theo Quyết định số 46/2004/QĐUB ngày 19/03/2004 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 số 2300105790 ngày 06/05/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp.

Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam với vốn điều lệ là 254.466.600.000 đồng (trong đó Nhà nước nắm giữ 14,15%, cổ đông trong và ngoài Công ty nắm giữ 85,85%).

Từ tháng 03 năm 2008, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là DBC.

**1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH**

**Hoạt động sản xuất kinh doanh chính:**

- Sản xuất thức ăn chăn nuôi;
- Sản xuất và kinh doanh thuốc thú y;
- Sản xuất phân bón, thuốc trừ sâu vi sinh;
- Sản xuất và kinh doanh giống gia súc, gia cầm, thủy cầm, giống thủy sản;
- Sản xuất tinh lợn, trâu, bò;
- Kinh doanh vật tư thiết bị, hóa chất phục vụ sản xuất nông công nghiệp, nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi và thuốc bảo vệ thực vật;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị máy móc, phương tiện vận tải, hàng nông sản và thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu, cảng bốc xếp và vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, nhà ở và đầu tư xây dựng hạ tầng khu đô thị mới, khu công nghiệp vừa và nhỏ;
- Nuôi giữ, lai tạo đàn giống gốc: gia súc, gia cầm, thủy sản;
- Giết mổ, chế biến thịt gia súc, gia cầm;
- Sản xuất, chế biến thức ăn thủy sản;
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi: gia súc, gia cầm, thủy cầm, thủy sản;
- Kinh doanh hoạt động thương mại bao gồm: khách sạn, nhà hàng, siêu thị, đại lý ô tô, kinh doanh dịch vụ ăn uống, đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Hoạt động thú y, chuẩn đoán bệnh động vật đưa ra phác đồ điều trị, dịch vụ kiểm tra, khám chữa bệnh động vật, tiêm chủng, dịch vụ thú y lưu động;
- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì nhựa PP, PE, Composite, kinh doanh các loại hóa chất, nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ cho ngành nhựa, ngành in;

10



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH (TIẾP)**

*Hoạt động sản xuất kinh doanh chính (tiếp):*

- Xây dựng nhà các loại, XD công trình kỹ thuật dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, các công trình điện và trạm điện đến 35 KV, trang trí nội, ngoại thất công trình; phá dỡ, san lấp mặt bằng, hoàn thiện các công trình xây dựng; lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước; lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp;
- Hoạt động bệnh viện, hoạt động chăm sóc, điều dưỡng tập trung; kinh doanh thoát nước; lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp; và
- Dịch vụ quảng cáo, truyền thông.

**1.3. CƠ CẤU TỔ CHỨC**

Công ty có các đơn vị trực thuộc bao gồm:

TT	Đơn vị	Địa chỉ
<b>A</b>	<b>Các đơn vị hạch toán phụ thuộc</b>	
1	Văn phòng Công ty	
2	Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp Dabaco	Khu công nghiệp Khắc Niệm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
3	Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp Topfeeds	Khu công nghiệp Khắc Niệm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
4	Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi Kinh Bắc	Khu công nghiệp Khắc Niệm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
5	Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp Khang ti Vina	Khu công nghiệp Khắc Niệm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
6	Cửa hàng Xăng dầu	Cụm công nghiệp Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
7	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam tại Hà Nội	Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
8	Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam	Số 265 đường Nguyễn Trãi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
9	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh	Số 22 ấp 4, đường số 18, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh
<b>B</b>	<b>Các Công ty con</b>	
<b>I</b>	<b>Các Công ty con có 100% vốn điều lệ do Công ty đầu tư</b>	
1	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển chăn nuôi gia công	Cụm công nghiệp Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
2	Công ty TNHH Càng Dabaco Tân Chi	Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
3	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Bắc Ninh	Khu công nghiệp Khắc Niệm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
4	Công ty TNHH Lợn giống Dabaco	Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
5	Công ty TNHH Đầu tư phát triển chăn nuôi lợn Dabaco.	Cụm công nghiệp xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.
6	Công ty TNHH MTV Thương mại Hiệp Quang	Khu công nghiệp Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
7	Công ty TNHH MTV Chế biến Thực phẩm	Xã Lạc Vệ, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh.
8	Công ty TNHH Bất động sản Dabaco	Đường Lý Thái Tổ, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.3. CƠ CẤU TỔ CHỨC (TIẾP)**

TT	Đơn vị	Địa chỉ
<b>B</b>	<b>Các Công ty con (tiếp)</b>	
<b>I</b>	<b>Các Công ty con có 100% vốn điều lệ do Công ty đầu tư (tiếp)</b>	
9	Công ty TNHH Nutreco	KCN Đại Đồng, Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh
10	Công ty TNHH MTV Gà giống Lạc vệ	Xã Lạc Vệ, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh.
11	Công ty TNHH MTV Lợn giống Lạc Vệ	Xã Lạc Vệ, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh.
12	Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Dabaco	Đường Huyền Quang, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh.
<b>II</b>	<b>Các Công ty do Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết</b>	
1	Công ty Cổ phần Dabaco Sông Hậu Tỷ lệ sở hữu là 75,86%	Khu công nghiệp Sông Hậu, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của các đơn vị hạch toán phụ thuộc và các Công ty con, các giao dịch và số dư nội bộ giữa các đơn vị phụ thuộc và Công ty con đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được hợp nhất trên cơ sở số liệu trên Báo cáo tài chính của các đơn vị đã được kiểm toán.

**2.2. NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2009.

**3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.5 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**3.6 LẬP DỰ PHÒNG**

Tại thời điểm 31/12/2010, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính và nợ phải thu khó đòi.

**3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10

**3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN**

Tài sản cố định vô hình bao gồm: phần mềm máy vi tính và trang Web của Công ty.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

Loại tài sản	Năm
- Phần mềm máy tính	03
- Trang Web	03

**3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí chờ phân bổ, giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định và có giá gốc trên 5 triệu đồng, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 02 năm.







**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**3.14 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

**3.15 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	3.833.791.143	1.671.534.901
Tiền gửi ngân hàng	209.313.378.513	385.370.493.342
Các khoản tương đương tiền	-	-
	<b>213.147.169.656</b>	<b>387.042.028.243</b>

**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	49.798.074	43.116.470
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	481.250.000	-
Phải thu tiền bảo hiểm Pjico	24.492.236.490	-
Các khoản phải thu khác	1.015.932.167	918.224.366
	<b>26.039.216.731</b>	<b>961.340.836</b>

**6. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	253.066.323.427	170.601.766.798 <sup>a</sup>
Công cụ, dụng cụ	1.317.482.099	1.492.171.136
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	377.017.932.731	159.586.492.474
Thành phẩm	14.038.078.214	9.729.544.298
Hàng hoá	21.960.792.506	3.096.549.449
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	<b>667.400.608.977</b>	<b>344.506.524.155</b>

**7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	10.355.563.880	4.962.183.196
Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	9.972.616.043	19.767.139.558
Cộng	<b>20.328.179.923</b>	<b>24.729.322.754</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dùng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>					
<b>01/01/2010</b>	227.647.706.621	238.308.200.905	27.947.239.828	8.264.127.567	502.167.274.921
- Mua trong năm					
- Đầu tư XDCB hoàn thành	145.124.102.533	60.452.149.002	-	390.534.545	205.966.786.080
- Tăng khác	22.647.819.755	13.560.095.832	14.963.625.918	2.464.912.655	53.636.454.160
- Thanh lý, nhượng bán	(3.086.355.263)	(48.960.251)	(1.482.275.000)	-	(4.617.590.514)
- Giảm khác	(12.486.444.063)	(250.476.190)	-	(10.308.650)	(260.784.840)
	(2.172.158.074)	(2.172.158.074)	-	(36.036.130)	(14.694.638.267)
<b>31/12/2010</b>	<b>379.846.829.583</b>	<b>309.848.851.224</b>	<b>41.428.590.746</b>	<b>11.073.229.987</b>	<b>742.197.501.540</b>
<b>HAO MÓN LŨY KẾ</b>					
<b>01/01/2010</b>	(45.412.868.993)	(68.973.334.752)	(13.960.100.878)	(4.895.966.937)	(133.241.271.560)
- Khấu hao trong năm	(15.765.831.434)	(17.094.593.297)	(4.255.444.812)	(1.553.493.179)	(38.669.362.722)
- Thanh lý, nhượng bán	1.704.906.617	48.960.251	670.869.937	-	2.424.736.805
- Giảm khác	5.450.432.346	1.516.217.908	-	36.036.130	7.002.686.384
	(54.023.361.464)	(84.501.749.890)	(17.544.675.753)	(6.413.423.986)	(162.483.211.093)
<b>31/12/2010</b>	<b>182.234.837.628</b>	<b>169.335.866.153</b>	<b>13.987.138.950</b>	<b>3.368.160.630</b>	<b>368.926.003.361</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>01/01/2010</b>	325.823.468.119	225.347.101.334	23.883.914.993	4.659.806.001	579.714.290.447
<b>31/12/2010</b>					

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 50.932.445.473 đồng.  
Giá trị còn lại của TSCĐ đang cầm cố, thế chấp cho các khoản vay Ngân hàng tại 31/12/2010 là 140.626.415.650 đồng.

(Số chữ - 5 - 5 - 5 - 5 - 5)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Tổng số chi phí XDCB dở dang	243.121.637.090	136.568.437.501
Trong đó: Những công trình lớn:		
- Nhà máy chế biến thực phẩm	8.611.938.600	-
- Nhà máy Topfeeds	-	1.603.202.121
- Khu chăn nuôi Tân Chi	-	18.887.144.436
- Nhà máy Nutreco Hoàn Sơn	64.454.391.192	36.497.838.113
- Khu công nghiệp Quế Võ 3	136.786.686.348	7.420.909.410
- Dabaco Tây Bắc	1.332.948.000	1.332.948.000
- Siêu thị Dabaco Bắc Ninh	8.469.381.077	2.479.923.227
- Dự án xi nghiệp gà đẻ siêu trứng	13.149.056.697	-
- Dự án nhà máy xử lý nguyên liệu Khắc Niệm	4.392.411.539	-
- Dự án rau sạch	2.270.260.000	-
- Dự án nhà trẻ mẫu giáo TP Bắc Ninh	1.220.959.000	-
- Dự án nhà làm việc cao tầng Nguyễn Đăng Đạo	474.869.470	-
- Nhà GTSP - TP sạch - đường Nguyễn Cao	234.504.000	-
- Trung tâm thương mại và DV Khắc Niệm	153.813.616	-
- Dự án bệnh viện Babaco	54.545.455	-
- Nhà máy xử lý trùng sạch Yên Phong	27.227.455	-
- Công ty giống lợn Dabaco	-	5.587.451.108
- Salon ô tô	-	36.851.818
- Nhà máy giết mổ gia cầm	-	16.005.456.602
- Công trình nhà máy Dabaco 2	-	61.721.818
- Xây dựng chuồng trại	-	2.843.858.000
- Xi nghiệp lợn Lạc Vệ	-	1.067.597.302
- Công ty CP DABACO Sông Hậu	-	41.565.935.546
- Công ty TNHH DV Thương mại Bắc Ninh	311.044.641	-
- Dự án làng nghề Hương Mạc	1.177.600.000	1.177.600.000
	<b>243.121.637.090</b>	<b>136.568.437.501</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DABACO VIỆT NAM** **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Đường Lý Thái Tổ, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**  
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2010		01/01/2010	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Đầu tư cổ phiếu	-	-	-	4.401.200.000
Công ty cổ phần TM Bạch Long	-	-	32.120	321.200.000
Công ty Cổ phần Dabaco Tiên Giang	-	-	408.000	4.080.000.000
Đầu tư trái phiếu	-	-	-	90.000.000
Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu		2.416.627.000		2.416.627.000
Đầu tư dài hạn khác		2.416.627.000		2.416.627.000
Công ty Cổ phần CSC Việt Nam		2.416.627.000		2.416.627.000
		<b>2.416.627.000</b>		<b>6.907.827.000</b>

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
<b>Công cụ dụng cụ</b>	<b>4.879.022.062</b>	<b>3.419.272.659</b>
Xí nghiệp Giống gia súc gia cầm	-	1.401.603.584
Công ty lợn giống Lạc Vệ	387.850.327	412.145.092
Văn phòng Công ty	235.053.315	-
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển chăn nuôi lợn Dabaco	258.320.941	80.577.335
Công ty TNHH Dịch vụ Thương Mại Bắc Ninh	460.384.086	189.963.688
Công ty TNHH Lợn giống DABACO	908.551.784	646.613.887
Công ty TNHH Thương mại Hiệp Quang	732.022.685	421.060.619
Công ty TNHH MTV Chế biến Thực phẩm	999.572.582	-
Công ty TNHH MTV Bất động sản Dabaco	567.300.583	-
Công ty Đầu tư xây dựng và phát triển Hạ tầng	219.049.091	-
Công ty TNHH 1 TV gà giống Dabaco	110.916.668	-
Công ty TNHH Càng DABACO Tân Chi	-	267.308.454
<b>Chi phí thành lập doanh nghiệp</b>	<b>3.940.674.129</b>	<b>3.008.051.603</b>
Công ty Cổ phần Dabaco Sông Hậu	3.940.674.129	3.008.051.603
	<b>8.819.696.191</b>	<b>6.427.324.262</b>

**12. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Lợi thế thương mại	10.636.130.472	11.817.922.747
<b>Cộng</b>	<b>10.636.130.472</b>	<b>11.817.922.747</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DABACO VIỆT NAM** **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Đường Lý Thái Tổ, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**  
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	555.085.015.153	358.099.819.555
+ Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - CN Bắc Ninh	223.295.314.048	95.188.733.598
+ Ngân hàng Công Thương - CN Bắc Ninh	134.854.074.101	131.640.310.843
+ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)	15.000.000.000	-
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Bắc Ninh	50.757.604.553	17.327.295.904
+ Ngân hàng Hàng Hải - CN Bắc Ninh	89.761.832.660	34.111.006.440
+ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	-	77.962.211.520
+ Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - CN Từ Sơn	37.666.189.791	555.261.250
+ Vay cá nhân	3.750.000.000	1.315.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	31.695.965.400	19.565.785.504
+ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)	13.087.552.800	13.432.607.200
+ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	12.484.412.600	6.133.178.304
+ Ngân hàng Công Thương - CN Bắc Ninh	6.124.000.000	-
	<b>586.780.980.553</b>	<b>377.665.605.059</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế GTGT	1.302.817.825	92.898.827
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	13.782.296.337	10.272.907.176
Thuế thu nhập cá nhân	294.853.358	108.633.034
Tiền sử dụng đất (cho các dự án Bất động sản)	57.968.054.462	-
Thuế nhà đất	245.185.574	1.476.719.999
	<b>73.593.207.556</b>	<b>11.951.159.036</b>

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	1.733.001.226	-
Trích trước chi phí giá vốn hoạt động kinh doanh Bất động sản (*)	21.610.798.589	-
Phải trả cho các nhà thầu xây dựng nhà máy Dabaco Sông Hậu	7.113.101.399	-
Chi phí phải trả khác	11.831.804	269.770.940
	<b>30.468.733.018</b>	<b>269.770.940</b>

Ghi chú (\*): Khoản trích trước chi phí giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản là khoản trích trước chi phí cho dự án nhà ở khu Thuận Thành – Bắc Ninh bao gồm chi phí phá dỡ và chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
BHXX, BHYT, BHTN	264.165.345	136.707.606
Kinh phí công đoàn	930.100.546	640.103.120
Các khoản phải trả, phải nộp khác	20.540.718.367	4.780.185.375
Quỹ sắp xếp cổ phần hóa		
<i>Phải trả cổ tức</i>	3.600.000	3.600.000.000
<i>Chiết khấu phải trả các đại lý</i>	15.170.384.000	-
<i>Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn</i>	119.742.301	109.157.376
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	5.246.992.066	1.071.027.999
	<b>21.734.984.258</b>	<b>5.556.996.101</b>

**17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>432.167.091.871</b>	<b>201.284.893.031</b>
Vay ngân hàng	429.667.091.871	200.409.893.031
+ Ngân hàng NN và PTNT - CN Bắc Ninh, theo hợp đồng tín dụng số 2600LAV200900370 ngày 30/06/2009, hạn mức vay theo hợp đồng 68 tỷ đồng, thời hạn vay 7 năm, lãi suất được công bố trong từng thời kỳ, mục đích khoản vay đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp Nutreco 16T/H. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ giá trị tài sản cố định hình thành từ khoản vay.	13.017.255.400	7.400.000.000
+ Ngân hàng Công Thương - CN Bắc Ninh, theo hợp đồng tín dụng số 02/DBC-QV3 ngày 30/10/2009, số hạn mức cho vay là 200 tỷ đồng, thời hạn vay 66 tháng, thời gian ân hạn 1 năm, lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng trả lãi cuối kỳ cộng biên độ tối thiểu là 3%/năm. Mục đích khoản vay đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật KCN Quê Võ III. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ giá trị tài sản cố định hình thành từ khoản vay.	107.498.254.208	1.000.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP)**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
+ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB), theo hợp đồng tín dụng số 1973/HĐTD2-VIB06/06 ngày 16/04/2007, số tiền vay 30 tỷ đồng, thời gian vay 6 năm, lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau của VIB cộng 2,6%/năm. Mục đích khoản vay xây dựng nhà máy chế biến thức ăn CN Dabaco. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định này hình thành từ vốn vay.	18.282.126.144	30.022.766.872
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Bắc Ninh, theo các hợp đồng tín dụng số 033/09/NHNT/BN ngày 03/07/2009, thời hạn vay 90 tháng và được ân hạn trong vòng 18 tháng, lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của NHTMCPNTVN - CN Bắc Ninh + 3%/năm. Mục đích vay đầu tư Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp Nutreco tại KCN Hoàn Sơn công suất 16T/H, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định này hình thành từ vốn vay.	45.239.060.950	23.904.602.550
+ Ngân hàng Hàng Hải - CN Bắc Ninh	1.600.000.000	1.900.000.000
+ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam, theo các - Số 90/HĐTD/TH-PN/TCB-Bắc Ninh ngày 24/09/2008, số tiền vay 26 tỷ đồng (16 tỷ xây dựng nhà máy giết mổ, 10 tỷ xây dựng nhà máy 1600 nái), thời hạn vay 54 tháng, lãi suất bằng lãi suất huy động 12 tháng trả lãi sau của NH Techcombank cộng 0,71%/tháng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.	143.051.198.839	29.779.772.199
- Số 13/HĐTD/TH-PN/TCB-BN ngày 02/11/2010, số tiền cho vay 190 tỷ, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất bằng lãi suất huy động 12 tháng trả lãi sau của NH Techcombank cộng 4%/năm không thấp hơn lãi suất 14%/năm. Mục đích xây dựng dự án Đô thị Dền Đô - Đình Bảng	8.691.229.527	
	112.349.000.000	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP)**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
- Số 104/HĐTD/TH-PN/TCB-Bắc Ninh ngày 24/05/2009, thời hạn vay 72 tháng, lãi suất bằng lãi suất huy động 12 tháng trả sau của NH Techcombank cộng biên độ 0,52%/tháng. Mục đích vay xây dựng khu chăn nuôi và môi trường sinh thái. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.	22.010.969.312	
+ Ngân hàng Công thương Việt Nam chi nhánh Sa Đéc số 0108/ICBSD-DBCSH ngày 18/01/2008 thời hạn vay 72 tháng, lãi suất cho vay trong hạn là 12%/năm áp dụng cho năm đầu tiên, từ năm thứ 2 trở đi áp dụng lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng cộng biên độ tối thiểu 3,5%/năm nhưng không thấp hơn mức sàn quy định của Ngân hàng Công thương Việt Nam. Khoản vay được sử dụng để đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thức ăn thủy sản Dabaco Sông Hậu công suất 20 tấn/giờ. Tài sản hình thành từ nguồn vay được dùng để thế chấp.	91.000.000.000	83.841.555.080
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh Bắc Ninh, hợp đồng vay trung dài hạn từ 3 - 4 năm dùng để đầu tư cơ sở hạ tầng ban đầu, lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ. Công ty thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay	9.563.196.330	22.561.196.330
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - chi nhánh Bắc Ninh, hợp đồng vay thời hạn 3 năm dùng để đầu tư mua máy tái chế, lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ, tài sản thế chấp hình thành từ vốn vay	416.000.000	
Vay đối tượng khác	2.500.000.000	875.000.000
+ Công ty CP XNK Vigracera	825.000.000	825.000.000
+ Vay cá nhân	1.675.000.000	50.000.000
	<b>432.167.091.871</b>	<b>201.284.893.031</b>

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

**CÔNG TY CỔ PHẦN DABACO VIỆT NAM**

Đường Lý Thái Tổ, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
								VND	VND	
01/01/2009	176.368.290.000	59.779.224.700	(35.100.000)	(1.344.396.504)	13.733.918.622	1.887.575.005	4.702.786.745	39.984.273.924	295.076.572.522	295.076.572.522
- Tăng vốn trong năm trước	78.098.310.000	168.510.957.000					3.128.213.255		249.737.480.255	249.737.480.255
- Lợi nhuận tăng trong năm								81.667.743.716	81.667.743.716	81.667.743.716
- Trích lập các quỹ				1.344.396.504	40.352.116.319	3.898.427.392			45.594.940.215	45.594.940.215
- Giảm khác				(1.649.494.975)		(64.748.947.897)			(66.398.442.872)	(66.398.442.872)
31/12/2009	254.466.600.000	228.290.181.700	(35.100.000)	(1.649.494.975)	54.086.034.941	5.786.002.427	7.831.000.000	56.903.069.743	605.678.293.836	605.678.293.836
01/01/2010	254.466.600.000	228.290.181.700	(35.100.000)	(1.649.494.975)	54.086.034.941	5.786.002.427	7.831.000.000	56.903.069.743	605.678.293.836	605.678.293.836
- Lợi nhuận tăng trong năm								176.300.685.559	176.300.685.559	176.300.685.559
- Tăng khác				14.876.971.692					14.912.071.692	14.912.071.692
- Trích lập các quỹ			35.100.000		24.158.250.795	7.211.621.974			(38.581.494.743)	(7.211.621.974)
- Chia cổ tức									(16.321.575.000)	(16.321.575.000)
- Giảm khác (*)							(7.831.000.000)		(2.000.000.000)	(9.831.000.000)
31/12/2010	254.466.600.000	228.290.181.700		13.227.476.717	78.244.285.736	12.997.624.401		176.300.685.559	763.526.854.113	763.526.854.113

(\*) Là khoảng chi hỗ trợ quỹ vì người nghèo với số tiền là 2 tỷ đồng từ lợi nhuận sau thuế.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**  
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**18.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	36.000.000.000	36.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	218.466.600.000	218.466.600.000
	<b>254.466.600.000</b>	<b>254.466.600.000</b>

**18.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu năm	254.466.600.000	176.368.290.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	78.098.310.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	254.466.600.000	254.466.600.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>19.921.575.000</b>	-

**18.4 CỔ PHIẾU**

	31/12/2010	01/01/2010
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	25.446.660	25.446.660
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	25.446.660	25.446.660
+ Cổ phiếu thường	25.446.660	25.446.660
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.446.660	25.446.660
+ Cổ phiếu thường	25.446.660	25.446.660
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm	25.446.660	19.580.402
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**  
 (Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**18.5 CÁC QUỸ**

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	78.244.285.736	54.086.034.941
Quỹ dự phòng tài chính	12.997.624.401	5.786.002.427
	<b>91.241.910.137</b>	<b>59.872.037.368</b>

**19 LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Đường Ngọc Hà	2.150.000.000	2.150.000.000
Công ty Đầu tư Tài chính SMIC	2.150.000.000	2.150.000.000
Trần Thị Ánh Nguyệt	6.250.000.000	6.250.000.000
Nguyễn Thị Tân Hòa	1.250.000.000	1.250.000.000
	<b>11.800.000.000</b>	<b>11.800.000.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Năm 2010	Sản xuất và bán thức ăn chăn nuôi		Chăm nuôi gia súc, gia cầm		Kinh doanh bất động sản		Giá công và chế biến thực phẩm		Khác		Loại trừ		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng doanh thu từ các giao dịch với bên ngoài	1.905.658.784.022	49.474.154.500	280.414.423.850	282.812.348.609	52.574.470.005	-	-	-	-	-	-	-	2.570.934.180.986	-
Các khoản giảm trừ doanh thu các bộ phận	(53.085.444.929)	-	-	(60.806.549)	(10.603.304)	-	-	-	-	-	-	-	(53.156.854.782)	-
Tổng cộng	1.852.573.339.093	49.474.154.500	280.414.423.850	282.751.542.060	52.563.866.701	-	-	-	-	-	-	-	2.517.777.326.204	-
Tổng doanh thu từ giao dịch giữa các bộ phận	372.830.816.942	19.205.772.500	231.195.490.000	35.515.399.870	31.773.672.964	-	-	-	-	-	-	-	(690.521.152.276)	-
Tổng cộng	372.830.816.942	19.205.772.500	231.195.490.000	35.515.399.870	31.773.672.964	-	-	-	-	-	-	-	(690.521.152.276)	-
Tổng doanh thu theo bộ phận	2.225.404.156.036	68.679.927.000	511.609.913.850	318.266.941.930	84.337.539.665	-	-	-	-	-	-	-	2.517.777.326.204	-
Chi phí phân bổ trực tiếp	(2.053.262.713.174)	(58.629.860.332)	(427.375.514.059)	(307.740.479.992)	(73.961.335.409)	-	-	-	-	-	-	-	(2.231.630.542.965)	-
Kết quả hoạt động theo bộ phận	172.141.442.862	10.050.066.668	84.234.399.791	10.526.461.938	10.376.204.256	-	-	-	-	-	-	-	286.146.783.239	-
Chi phí phân bổ khác	(24.346.039.885)	(5.702.269.034)	(21.920.370)	(5.240.606.857)	(5.065.635.508)	-	-	-	-	-	-	-	(40.376.471.654)	-
Chi phí theo bộ phận	(24.346.039.885)	(5.702.269.034)	(21.920.370)	(5.240.606.857)	(5.065.635.508)	-	-	-	-	-	-	-	(40.376.471.654)	-
Thu nhập(chi phí) tài chính	9.101.366.436	(3.572.029.843)	(46.431.332.776)	(9.409.480.067)	(5.450.925.597)	-	-	-	-	-	-	-	(55.762.401.847)	-
Thu nhập(chi phí) khác	12.235.242.869	(1.727.978.596)	132.685.355	584.449.416	1.146.186.219	-	-	-	-	-	-	-	12.370.585.263	-
Lợi nhuận kế toán trước thuế	169.132.012.283	(952.210.805)	37.913.831.999	(3.539.175.570)	1.005.829.370	-	-	-	-	-	-	-	202.378.495.001	-
Tài sản	1.271.399.176.141	50.790.329.699	65.625.198.461	115.546.419.788	36.913.452.438	-	-	-	-	-	-	-	1.303.858.717.527	-
Tài sản ngắn hạn	520.016.111.220	-	990.003.558	5.722.231.806	58.970.786.814	-	-	-	-	-	-	-	579.714.290.447	-
Tài sản cố định vô hình	402.634.752.157	498.766.995	878.345.224	2.166.445.307	951.071.776	-	-	-	-	-	-	-	1.636.556.598	-
Tài sản dài hạn khác	2.194.050.039.518	51.289.096.694	67.493.547.243	123.435.096.901	98.471.867.626	-	-	-	-	-	-	-	2.641.994.090.753	-
Tổng tài sản	866.689.266.957	53.557.621.606	67.371.807.031	127.614.788.199	55.135.141.870	-	-	-	-	-	-	-	940.977.224.341	-
Nợ phải trả	421.308.895.541	-	-	945.485.000	11.645.196.330	-	-	-	-	-	-	-	433.899.576.871	-
Nợ ngắn hạn	1.287.998.162.498	53.557.621.606	67.371.807.031	128.560.273.199	66.780.338.200	-	-	-	-	-	-	-	1.374.876.801.212	-
Tổng nợ phải trả	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

29

DABACO VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010		Năm 2009	
	VND	VND	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.570.934.180.986	1.781.678.693.218	-	-
Trong đó:	-	-	-	-
+ Doanh thu bán thức ăn chăn nuôi	1.530.939.001.365	1.344.946.174.284	-	-
+ Doanh thu bán nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi	151.083.840.153	64.447.560.063	-	-
+ Doanh thu bán xăng dầu	10.750.111.571	6.945.832.554	-	-
+ Doanh thu bán gà giống	151.927.440.267	107.061.481.040	-	-
+ Doanh thu bán lợn giống	151.704.081.630	108.165.606.441	-	-
+ Doanh thu bán ngân giống Pháp	1.837.405.600	6.225.864.200	-	-
+ Doanh thu bán hàng hóa khác	265.460.300.938	143.886.174.636	-	-
+ Doanh thu bán thực phẩm đã chế biến	26.817.575.612	-	-	-
+ Doanh thu bất động sản	280.414.423.850	-	-	-
	<b>2.570.934.180.986</b>	<b>1.781.678.693.218</b>	-	-

22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ

	Năm 2010		Năm 2009	
	VND	VND	VND	VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	-
Trong đó:	-	-	-	-
+ Chiết khấu thương mại	48.992.684.049	62.834.470.819	-	-
+ Giảm giá hàng bán	22.426.000	51.195.003	-	-
+ Hàng bán bị trả lại	4.141.744.733	4.263.155.142	-	-
	<b>53.156.854.782</b>	<b>67.148.820.964</b>	-	-

23. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010		Năm 2009	
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	2.517.777.326.204	1.714.529.872.254	-	-
Trong đó:	-	-	-	-
+ Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.517.777.326.204	1.714.529.872.254	-	-
	<b>2.517.777.326.204</b>	<b>1.714.529.872.254</b>	-	-

30

DABACO VIỆT NAM



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**24 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
+ Giá vốn bán thức ăn chăn nuôi	1.284.839.375.476	1.080.187.022.454
+ Giá vốn bán nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi	373.984.694.413	84.284.454.075
+ Giá vốn bán xăng dầu	10.361.813.761	6.444.670.269
+ Giá vốn bán gà giống	116.723.231.224	109.941.559.069
+ Giá vốn bán lợn giống	140.847.177.681	104.282.448.753
+ Giá vốn bán ngan giống Pháp	2.763.538.274	8.446.785.696
+ Giá vốn bán hàng hóa khác	31.348.614.189	127.752.688.467
+ Giá vốn bán thực phẩm đã chế biến	24.192.740.811	-
+ Giá vốn bất động sản	186.771.297.945	-
	<b>2.171.832.483.774</b>	<b>1.521.339.628.783</b>

**25 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	18.035.925.399	5.637.313.917
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	48.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	10.251.186
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.930.108.735	78.967.230
Doanh thu hoạt động tài chính khác	211.400.000	212.809.000
	<b>20.225.434.134</b>	<b>5.939.341.333</b>

**26 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	70.612.379.390	38.622.908.487
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.168.997.124	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	206.459.467	-
	<b>75.987.835.981</b>	<b>38.622.908.487</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**27 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	14.897.568.287	11.608.958.050
Chi phí vật liệu, bao bì bán hàng	2.099.736.042	1.240.903.253
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	1.422.949.766	1.681.745.389
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.519.991.369	1.882.846.909
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.814.642.579	8.956.104.527
Chi phí bằng tiền khác	10.466.476.536	8.656.471.408
	<b>45.221.364.579</b>	<b>34.027.029.536</b>

**28 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	17.811.603.376	10.775.973.926
Chi phí vật liệu quản lý	343.223.446	1.521.505.233
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.583.781.958	2.086.367.796
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.467.185.741	5.072.933.390
Thuế phí, lệ phí	9.038.055.037	9.504.117.633
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.720.637.624	2.456.083.335
Chi phí bằng tiền khác	10.988.679.084	5.085.314.664
	<b>54.953.166.266</b>	<b>36.502.295.977</b>

**29 THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Thu tiền vệ sinh, phế liệu, hồ sơ thầu	871.363.986	2.413.410.271
Thu thanh lý tài sản	849.090.909	1.055.099.453
Bán gia súc, gia cầm chết hoặc loại	16.116.614.938	3.061.165.405
Nguyên liệu thừa trong kiểm kê	1.573.645.225	362.954.850
Thu nhập nhận hỗ trợ từ ngân sách nhà nước	8.559.979.000	-
Thu phạt	2.204.792.500	949.662.450
Thu nhập khác	878.010.631	428.436.240
	<b>31.053.497.189</b>	<b>8.270.728.669</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**30 CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí thanh lý nguyên vật liệu	765.087.251	633.880.535
Chi phí thanh lý tài sản	811.405.063	-
Giá vốn bán gia súc, gia cầm chết hoặc loại	15.371.085.708	6.033.452.712
Chi phí khác	1.735.333.904	26.440.716
	<b>18.682.911.926</b>	<b>6.693.773.963</b>

**31 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	26.077.809.442	9.886.561.794
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26.077.809.442	9.886.561.794

(\*) Trong năm 2010 Công ty đang tạm tính chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 26.077.809.442 đồng. Trong đó, chi phí thuế TNDN của hoạt động kinh doanh Bất động sản được tính trên cơ sở thu nhập từ chuyển nhượng Bất động sản trừ đi các chi phí chuyển nhượng Bất động sản với thuế suất 25%. Các khoản chi phí chuyển nhượng Bất động sản bao gồm: tiền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp liên quan đến Bất động sản chuyển nhượng; các chi phí quản lý, chi phí bán hàng và chi phí tài chính tạm phân bổ. Theo đó, số thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng Bất động sản sẽ được điều chỉnh lại khi có kết quả kiểm tra chính thức của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**32 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

**32.1 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	176.300.685.559	81.667.743.716
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm	25.446.660	19.580.402
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.928	4.171

**32.2 LỢI NHUẬN THUẬN THUỘC VỀ CỔ ĐÔNG SỞ HỮU CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	176.300.685.559	81.667.743.716
	<b>176.300.685.559</b>	<b>81.667.743.716</b>

**32.3 SỐ CỔ PHIẾU BÌNH QUÂN GIA QUYỀN ĐANG LƯU HÀNH**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	25.446.660	17.636.829
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong năm	-	7.809.831
Cổ phiếu quỹ	-	3.510
Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	25.446.660	19.580.402

**33. THÔNG TIN KHÁC**

**33.1 THU NHẬP CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng thu nhập của ban giám đốc	2.782.017.000	2.053.087.674
- Lương và phụ cấp	2.782.017.000	2.053.087.674



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**33. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**33.2 CÁC CAM KẾT KHÁC**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/2010/NQ-ĐHCD ngày 14/08/2010, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01/NQ-HĐQT/2010 ngày 13/04/2010 về việc thông qua phương án phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ. Kết quả của đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ là từ ngày 27/12/2010 đến ngày 14/02/2011 tổng số vốn góp của cổ đông tăng thêm 254.466.600.000 đồng lên thành 436.111.000.000 đồng.

Ngoài ra, theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/2010/NQ-ĐHCD ngày 14/08/2010, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01/NQ-HĐQT/2010 ngày 13/04/2010 về việc thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi. Kết quả của đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi là từ ngày 27/12/2010 đến ngày 14/02/2011 Công ty thu được 254.466.600.000 đồng tiền trái phiếu chuyển đổi, đối tượng sở hữu trái phiếu chuyển đổi là cổ đông hiện hữu, mệnh giá trái phiếu 100.000 đồng/1 trái phiếu, kỳ hạn 24 tháng, lãi suất định kỳ 10%/năm.

**32.3 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam. Một số số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm trước đã được phân loại lại để phù hợp với mục đích so sánh của Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Người lập

Nguyễn Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hương

Bắc Ninh, ngày 17 tháng 03 năm 2011

Tổng Giám đốc



Nguyễn Như So